

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 229/2018/HSPT

Ngày 22-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lượng.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Thành Dương.

Bà Lê Hồng Hương.

- Thư ký Tòa án: Bà Đoàn Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xuân Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 159/2018/HSPT ngày 31 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thu T (H). Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thu T (H) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2018/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Thu T (H), sinh năm 1979 tại Thái Bình; Nơi thường trú: Ấp Cây Cắm, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm thuê; Học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy M (đã chết) và bà Đặng Thị N, sinh năm 1954; Có chồng: Phạm Văn H1, sinh năm 1978 (đã ly hôn năm 2017), bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ, sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 06/02/2018 (có mặt).

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị T1 (P), sinh năm: 1970 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Tổ 15, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Tạm trú: Khu phố 5, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 11 năm 2017, Nguyễn Thu T nhận sang nhượng lại quầy bán cơm của chị Nguyễn Thị T1 phục vụ công nhân tại công trường thi công cơ sở hạ tầng thuộc khu phố 4, thị trấn T với giá 13.000.000đ, T yêu cầu chị T1 không được bán cơm trong khu vực công trường thi công. Ngày 17/11/2017, chị T1 dựng một quầy bán cơm khác trong khu vực công trường thi công. Vào khoảng 13 giờ ngày 19/11/2017, T đến quầy bán cơm của chị T1 yêu cầu chị T1 trả lại cho T 13.000.000đ vì chị T1 không thực hiện theo thỏa thuận trước đó, nhưng chị T1 không đồng ý. T gọi điện cho Nguyễn Duy X (em ruột của T), X rủ thêm 04 đối tượng (không rõ lai lịch) đến yêu cầu chị T1 trả tiền lại cho T nhưng chị T1 không đồng ý. X cùng các đối tượng đi theo dùng nón bảo hiểm và tay chân đánh vào người chị T1. Chị T1 không đồng ý trả tiền. Sau đó, T phát hiện xe mô tô nhãn hiệu honda Airblade biển số 60B2-104.00 của chị T1 dựng gần đó nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe trên để ép chị T1 trả tiền. T liền viết 01 tờ giấy với nội dung T đã nhận cầm cố của chị T1 01 xe mô tô biển số 60B2-104.00, khi nào chị T1 trả lại T 13.000.000đ thì T sẽ trả lại xe cho chị T1 và đe dọa chị T1 phải ký vào tờ giấy cầm cố nêu trên. Chị T1 không đồng ý và xin T thêm thời gian để đi vay tiền trả cho T. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, chị T1 không vay được tiền trả cho T thì T, X và các đối tượng đi cùng của X tiếp tục ép buộc, đe dọa và đánh nên chị T1 sợ và phải ký vào giấy do T viết trước đó. T, X cùng 04 đối tượng đi cùng X lập tức lấy xe mô tô biển số 60B2-104.00 điều khiển về nhà bà Nguyễn Thị Q tại ấp Độc Lập, xã G, huyện K giữ giữ. Ngày 25/11/2017, chị T1 đề nghị đưa trước cho T 5.000.000đ để chuộc xe làm phương tiện đi lại. T nhờ anh Phạm Văn Y đến gặp T1 tại quán cà phê tại khu phố 4, thị trấn T, huyện K để nhận, tiền đồng thời chị T1 trình báo công an thị trấn T, huyện K. Sau khi anh Y nhận 5.000.000đ của chị T1 thì công an thị trấn T mời về trụ sở làm việc, xe mô tô biển số 60B2-104.00 được thu hồi và bàn giao cho cơ quan công an huyện K xử lý.

Ngày 29/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện K kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 60B2-104.00 trị giá 18.500.000đ (mười tám triệu, năm trăm ngàn đồng).

Về vật chứng đã thu giữ: Xe mô tô biển số 60B2-104.00 và số tiền 5.000.000đ Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T1.

Tại cáo trạng số: 69/CT/VKS-HS, ngày 28/5/2018 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố bị cáo Nguyễn Thu T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo Khoản 1, Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 64/2018/HSST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã:

Áp dụng Khoản 1 Điều 135; Điểm g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999; xử phạt bị cáo Nguyễn Thu T 10 (mười) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 29/6/2018, bị cáo Nguyễn Thu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thu T là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại Nguyễn Thị T1 được pháp luật bảo vệ. Mức án cấp sơ thẩm tuyên phạt 10 (mười) tháng tù giam là phù hợp. Đề nghị hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thu T khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản án sơ thẩm đã mô tả.

Khoảng 18 giờ ngày 19/11/2017, tại địa phận khu phố 4, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Thu T đã có hành vi đe dọa và uy hiếp tinh thần của chị Nguyễn Thị T1 để chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển số 60B2-104.00 trị giá 18.500.000đ (mười tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thu T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

[2] Về hình phạt và nội dung kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử phạt bị cáo Nguyễn Thu T 10 (mười) tháng tù. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, tinh thần của người khác, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm để răn đe, giáo dục đối với bị cáo và đảm bảo tính phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo trình bày hoàn cảnh khó khăn, và hiện nay bị cáo sinh thêm một cháu mới 03 tháng tuổi (do quan hệ bất chính với Phạm Văn Y, nay anh Y không thừa

nhận, con chưa đăng ký khai sinh). Nếu chấp hành án tù giam thì không có điều kiện nuôi con.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo nhất thời phạm tội, tài sản phạm tội đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo có 03 con đang còn nhỏ, đang tuổi ăn học, chồng đã ly hôn các tình tiết giảm nhẹ nêu trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, hiện tại bị cáo đã sinh thêm một cháu mới 03 tháng tuổi (do quan hệ bất chính với Phạm Văn Y, nay anh Y không thừa nhận, con chưa đăng ký khai sinh). Nếu chấp hành án tù giam thì không có điều kiện nuôi con. Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo hội đồng xét xử nhận thấy có đủ điều kiện quy định tại Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015) và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; nghĩ nên chấp nhận kháng cáo, tuyên phạt mức án treo và thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung, không cần cách ly khỏi xã hội, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật là thỏa đáng.

Trong vụ án này còn có Nguyễn Duy X và 04 người không rõ lai lịch cùng tham gia vụ án, cơ quan điều tra cấp sơ thẩm đang xác minh làm rõ và tách ra xử lý sau nên không đề cập đến. Ngoài ra, qua nội dung vụ án còn có Phạm Văn Y có dấu hiệu phạm tội đồng phạm và quan hệ bất chính với bị cáo Nguyễn Thu T vi phạm chế độ một vợ một chồng, hậu quả làm cho bị cáo Nguyễn Thu T có thai và sinh con. Do đó, nhận thấy cần kiến nghị cơ quan điều tra làm rõ hành vi của Phạm Văn Y để xử lý theo quy định pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận, do đó bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm b, Khoản 1, Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thu T (H), sửa bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Khoản 1, Điều 135 Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều g, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 (Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015) và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 05 năm 2018 Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 về án treo của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thu T (H) 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thu T (H) cho Ủy ban nhân dân xã Láng Dài, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục theo dõi, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thu T (H) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Trảng Bom (2);
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Công an huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lượng

